DẠY HỌC DỰ ÁN VỚI CÔNG CỤ SỐ: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CHO HỌC SINH NGỮ VĂN TRUNG HỌC CƠ SỞ

VŨ THỊ PHƯƠNG
Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Hinh, tỉnh Thanh Hóa

Nhận bài ngày 11/11/2025. Sửa chữa xong 23/12/2025. Duyệt đăng 30/12/2025.

Abstract

This article clarifies the theoretical and practical foundations of project-based learning integrated with digital tools in lower-secondary Literature education, aligned with the competency- and character-oriented approach of the 2018 General Education Curriculum. It analyzes key concepts, characteristics, processes, and advantages of project-based learning, as well as the roles and potential of digital tools in organizing, implementing, and assessing learning activities. The article also elucidates the relationship between project-based learning and digital tools in fostering students' core competencies and essential qualities. A sample project is presented to demonstrate the feasibility and effectiveness of the model, followed by recommendations for broader implementation, teacher professional development, and investment in facilities to enhance the quality of Literature teaching in the era of educational digital transformation.

Keywords: *Digital tools, lower-secondary Literature, project-based learning, student competencies, student qualities.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định rõ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh (HS), coi người học là trung tâm của quá trình giáo dục. Yêu cầu này đòi hỏi giáo viên (GV) phải thay đổi cách tiếp cận, lựa chọn và vận dụng các PPDH phù hợp với định hướng phát triển năng lực, gắn nội dung học tập với thực tiễn đời sống và bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay . Trong bối cảnh đó, PPDH dự án được xem là một giải pháp có nhiều ưu thế trong việc đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dạy học dự án tạo điều kiện để HS chủ động khám phá tri thức, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua việc tạo ra những sản phẩm học tập cụ thể. Sự hỗ trợ của các công cụ số không chỉ mở rộng không gian và thời gian học tập mà còn giúp nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lí, hợp tác và đánh giá trong quá trình thực hiện dự án, qua đó góp phần phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất HS một cách bền vững. Thực tiễn dạy học Ngữ văn THCS hiện nay cho thấy việc đổi mới phương pháp vẫn còn nhiều hạn chế và thách thức. Lối dạy học truyền thống thiên về "nặng về thuyết giảng, đọc chép và yêu cầu thuộc lòng theo văn mẫu"[5], khiến HS ít có cơ hội trải nghiệm, sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cần có các nghiên cứu và giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy việc vận dụng dạy học dự án kết hợp công cụ số trong môn Ngữ văn THCS, góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về Dạy học dự án

2.1.1. Dạy học dự án

Dạy học dự án có nguồn gốc từ rất sớm, bắt đầu được áp dụng tại Ý vào thế kỷ XVI, sau đó dần lan tỏa sang Pháp, Đức và Mỹ [7, tr. 53-60]. Đến đầu thế kỷ XX, các nhà sư phạm Mỹ đã xây dựng cơ sở lý luận vững chắc cho "phương pháp dự án" (The Project Method) nhằm thực hiện quan điểm dạy học lấy

Email: vphuong.tmy@gmail.com

HS làm trung tâm, khắc phục nhược điểm của lối dạy truyền thống. John Dewey (1859 - 1952), nhà giáo dục học và triết học người Mỹ, được coi là người khởi xướng chủ trương dạy cho HS cách học thông qua việc xây dựng một dự án cụ thể và tìm giải pháp để đưa dự án đó đến thành công. Đến năm 1969, giáo sư thần kinh học Barrow tại Đại học McMaster (Canada) đã lần đầu tiên triển khai phương pháp này trong lĩnh vực y tế và giáo dục [1]. Ban đầu, dạy học dự án chủ yếu được dùng trong dạy thực hành các môn kỹ thuật nhưng về sau đã được ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các môn học khác ở nhiều bậc học từ tiểu học đến đại học Xuyên suốt từ khi hình thành và ứng dụng dạy học dự án, đã có rất nhiều học giả đưa ra các định nghĩa về mô hình dạy học này. Tựu chung lại, có thể hiểu dạy học dự án có thể được hiểu là một mô hình hoặc PPDH tích cực, lấy người học làm trung tâm.

2.1.2. Đặc điểm của Dạy học dự án

Lấy người học làm trung tâm là đặc điểm cốt lõi nhất của dạy học dự án. Phương pháp này đặc biệt chú trọng đến nhu cầu, hứng thú và khả năng cá nhân, cho phép học sinh trực tiếp tham gia chọn đề tài và nội dung học tập phù hợp với bản thân [2]. Trong suốt tiến trình từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch đến thực hiện và đánh giá dự án, người học luôn đóng vai trò chủ thể tự lực và tích cực.

Định hướng thực tiễn giúp dạy học dự án gắn liền nhà trường với đời sống xã hội. Chủ đề của các dự án luôn xuất phát từ những tình huống thực tế, gắn liền với các vấn đề xã hội, nghề nghiệp hoặc những câu hỏi nảy sinh từ thực tiễn đời sống. HS thường đóng những vai nhất định trong cuộc sống thực để giải quyết các nhiệm vụ có tính thách đố, giúp các em thấy được ý nghĩa thiết thực của việc học tập.

Tính phức hợp và liên môn yêu cầu người học phải huy động kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau [6]. Nội dung của một dự án không nằm bó hẹp trong một môn học duy nhất mà thường là sự tích hợp tri thức của nhiều môn học để giải quyết một vấn đề trọn vẹn. Quá trình này đòi hỏi sự kết hợp giữa hoạt động trí tuệ và hoạt động thực hành, giúp học sinh rèn luyện kĩ năng tư duy bậc cao, tư duy hệ thống và khả năng nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau.

Sự kết hợp giữa làm việc nhóm và cá nhân tạo nên tính xã hội cao cho phương pháp này. Dạy học dự án chủ yếu được thực hiện theo hình thức cộng tác, yêu cầu các thành viên trong nhóm phải có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng và hỗ trợ lẫn nhau để đạt được mục tiêu chung [3, tr. 369–398]. Qua đó, học sinh không chỉ phát triển năng lực chuyên môn mà còn hình thành các kĩ năng mềm quan trọng như kĩ năng giao tiếp, đàm phán, quản lí thời gian và giải quyết xung đột.

2.1.3. Quy trình triển khai Dạy học dự án

Giai đoạn thứ nhất là chuẩn bị dự án và lập kế hoạch. Ở bước đầu tiên, GV sẽ nghiên cứu chương trình học để lựa chọn các nội dung có thể ứng dụng vào thực tế hoặc gợi mở những ý tưởng mà HS quan tâm. Sau khi xác định đề tài, GV tiến hành chia lớp thành các nhóm (thường từ 6 đến 8 thành viên) và hướng dẫn các em xác định mục tiêu cụ thể cho dự án của mình.

Giai đoạn thứ hai là triển khai thực hiện dự án. Đây là giai đoạn trung tâm, nơi người học đóng vai trò chủ thể tích cực để hiện thực hóa các ý tưởng. HS tiến hành thu thập và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như sách báo, Internet, hoặc qua các hoạt động thực nghiệm, quan sát và phỏng vấn thực tế.

Giai đoạn cuối cùng là kết thúc dự án và đánh giá kết quả. HS sẽ tổng hợp các kết quả nghiên cứu và xây dựng báo cáo dưới nhiều hình thức đa dạng như bài trình chiếu Powerpoint, video, mô hình, báo tường hoặc các buổi biểu diễn. Sau đó, các nhóm sẽ trình bày sản phẩm và kiến thức đã tích lũy được trước lớp hoặc ngoài xã hội. Cuối cùng, GV và người học sẽ cùng rút ra những bài học kinh nghiệm để chuẩn bị tốt hơn cho các dự án tiếp theo.

- Ưu điểm của Dạy học dự án trong việc phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

Dạy học dự án đóng vai trò then chốt trong việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo. Thay vì tiếp thu kiến thức một chiều, HS phải đối mặt với các tình huống thực tiễn phức tạp, đòi hỏi khả năng phân tích, tổng hợp thông tin và đưa ra các giải pháp mới mẻ, đột phá. Qua đó, HS rèn luyện được kĩ năng tư duy bậc cao, biết cách vận dụng lí thuyết vào thực tế để tạo ra những sản phẩm có giá trị, giúp kiến thức trở nên sâu sắc và có ý nghĩa hơn. Bên cạnh tư duy độc lập, phương pháp này còn mạnh mẽ trong việc hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác. Do làm việc nhóm là hình thức tổ chức cơ bản, HS

có cơ hội rèn luyện kĩ năng đàm phán, chia sẻ ý tưởng và phối hợp nhịp nhàng với đồng đội để đạt được mục tiêu chung. Quá trình này giúp các em phát triển những kĩ năng xã hội thiết yếu như quản lí xung đột, kĩ năng lãnh đạo bản thân và khả năng trình bày vấn đề một cách thuyết phục trước cộng đồng.

Một ưu điểm vượt trội khác của dạy học dự án là nâng cao năng lực tự chủ và tự học. Trong suốt tiến trình dự án, HS được trao quyền làm chủ, từ khâu lập kế hoạch, quản lí thời gian đến việc tự tìm kiếm, xử lí nguồn học liệu đa dạng trên Internet và trong thư viện. Việc tự kiểm soát tiến độ và tự đánh giá kết quả thực hiện giúp các em hình thành thói quen học tập suốt đời, trở nên tự tin và bản lĩnh hơn khi đối mặt với những thách thức ngoài xã hội.

2.2. Các công cụ số trong giáo dục

2.2.1. Các loại công cụ số phổ biến

Nền tảng quản lí học tập (LMS) và học tập trực tuyến được coi là "xương sống" kĩ thuật số, giúp tổ chức và quản lí toàn bộ quá trình đào tạo. Các hệ thống phổ biến như Google Classroom, Microsoft Teams, Moodle và Canvas hỗ trợ GV quản lí tài liệu, giao bài tập và theo dõi tiến độ của HS một cách hệ thống. Tại Việt Nam, nhiều nền tảng nội sinh như Viettel Study, K12Online, VnEdu và E-learning cũng đang được ứng dụng rộng rãi để đáp ứng nhu cầu học tập mọi lúc, mọi nơi. Ngoài ra, các nền tảng MOOCs như Khan Academy, Coursera hay Udemy cung cấp nguồn học liệu mở phong phú, hỗ trợ người học tự trau dồi kĩ năng chuyên sâu [9, tr. 33-45].

Công cụ tạo nội dung và thiết kế bài giảng đã có bước tiến nhảy vọt nhờ sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI). Các công cụ sinh nội dung như ChatGPT, Claude hỗ trợ GV soạn thảo văn bản, xây dựng kịch bản bài giảng và gợi ý ý tưởng dự án. Để tăng tính trực quan, GV thường sử dụng Canva, Prezi, Adobe Spark hoặc Piktochart để thiết kế đồ họa và bài thuyết trình sinh động.

Công cụ cộng tác và tương tác giúp phá vỡ rào cản về khoảng cách địa lí và tăng cường tính xã hội trong học tập. Các ứng dụng liên lạc và hội thảo trực tuyến như Google Meet, Zoom, Zalo và Slack là những phương tiện thiết yếu để trao đổi thông tin và tổ chức lớp học ảo. Để quản lí dự án và làm việc nhóm, các công cụ như Trello, Notion, Asana hoặc Monday.com giúp HS và GV lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ và theo dõi tiến độ công việc.

Công cụ kiểm tra và đánh giá số mang lại sự khách quan và phản hồi tức thời cho người học. Các ứng dụng dựa trên trò chơi (gamification) như Kahoot, Quizizz, Quizlet tạo động lực học tập mạnh mẽ thông qua các câu hỏi trắc nghiệm tương tác. Bên cạnh đó, Google Forms, Azota, Socrative và Microsoft Forms hỗ trợ giáo viên thiết kế các bài kiểm tra trực tuyến và tự động hóa quy trình chấm điểm. Để đánh giá quá trình sâu hơn, GV có thể dùng Edpuzzle để tạo bài giảng video tương tác hoặc sử dụng các phần mềm chống đạo văn như Turnitin và Grammarly để kiểm soát chất lượng sản phẩm học tập.

Công cụ thực hành, mô phỏng và học tập chuyên biệt giúp HS tiếp cận tri thức thông qua thực hành trong môi trường ảo an toàn. Các phần mềm mô phỏng như PhET Interactive Simulations, Virtual labs hoặc Gizmos cho phép HS thực hiện các thí nghiệm khoa học phức tạp ngay trên máy tính. Trong lĩnh vực ngôn ngữ, các ứng dụng như ELSA Speak hay các trợ lí ảo như Siri, Google Assistant hỗ trợ HS luyện phát âm và phản xạ giao tiếp ngoài giờ lên lớp. Ngoài ra, các công cụ hỗ trợ lĩnh vực đặc thù như GitHub cho lập trình hay AutoCAD cho kĩ thuật cũng là những tài nguyên quý giá trong giáo dục hiện đại.

2.2.2. Tiềm năng của công cụ số trong việc hỗ trợ Dạy học dự án

Tiềm năng trong việc khơi nguồn ý tưởng và lập kế hoạch dự án là một trong những bước tiến đột phá nhờ sự ra đời của trí tuệ nhân tạo (AI). Các công cụ như ChatGPT hay Claude có khả năng hỗ trợ GV và HS xây dựng các dự án có tính thực tiễn và khả thi cao bằng cách đưa ra hàng loạt ý tưởng sản phẩm sáng tạo, khuyến khích tư duy phê phán. AI còn giúp vạch ra các đầu mục công việc cần thiết, phác thảo phương án giải quyết vấn đề và cung cấp thông tin bổ sung nhanh chóng, giúp người học vượt qua những thách thức ban đầu khi tiếp cận đề tài phức tạp. Bên cạnh đó, các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Google Classroom hay Microsoft Teams đóng vai trò là nền tảng cơ bản để GV chuyển giao nhiệm vụ, giao bài tập từ xa và xác định các tiêu chí đánh giá ngay từ khi bắt đầu.

Trong giai đoạn thực hiện dự án, công cụ số tăng cường khả năng quản trị, cộng tác và khai thác

tài nguyên. Các phần mềm quản lý dự án chuyên biệt giúp HS thực hiện các nhiệm vụ phức tạp như đặt tiến độ, phân bổ nguồn lực, tính toán chi phí và chia sẻ dữ liệu nội bộ nhóm để tăng năng suất làm việc. Internet trở thành công cụ duy nhất có thể vượt qua mọi rào cản về không gian và thời gian, mở ra cơ hội tiếp cận kho học liệu số đa định dạng và các cơ sở dữ liệu khổng lồ giúp HS nghiên cứu độc lập.

Khả năng hỗ trợ sáng tạo sản phẩm và trình bày kết quả của công cụ số giúp nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của các sản phẩm dự án. Việc ứng dụng công nghệ thông tin cho phép HS tạo ra các học liệu đa phương tiện như video minh họa với avatar ảo (Synthesia), chuyển đổi văn bản thành giọng đọc tự nhiên (ElevenLabs) hoặc thiết kế đồ họa trực quan (Canva AI).

Tiềm năng đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi. Công nghệ số cho phép GV thực hiện đánh giá xác thực và liên tục suốt tiến trình dự án thay vì chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng. Các nền tảng số hỗ trợ thu thập chứng cứ về sự tiến bộ của HS qua từng giai đoạn, đồng thời cung cấp các công cụ để HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng một cách khách quan [8].

2.3. Năng lực và phẩm chất học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng từ nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục định hướng phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực cho mỗi HS [4]. Hệ thống phẩm chất chủ yếu mà chương trình hướng tới gồm năm phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Yêu nước thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, niềm tự hào dân tộc và ý thức thực hiện nghĩa vụ với Tổ quốc. Nhân ái là lòng yêu thương, tôn trọng con người, biết cảm thông và chấp nhận sự khác biệt. Chăm chỉ nhấn mạnh tinh thần ham học, yêu lao động và ý chí vượt khó. Trung thực yêu cầu sự ngay thẳng, thật thà và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức. Trách nhiệm thể hiện ở ý thức với bản thân, gia đình, xã hội và trách nhiệm bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Về năng lực, chương trình xác định 10 năng lực cốt lõi, gồm năng lực chung và năng lực đặc thù. Ba năng lực chung được hình thành thông qua mọi môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, cùng giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các năng lực này giúp HS biết quản lí bản thân, học tập hiệu quả, giao tiếp phù hợp, làm việc nhóm và đề xuất các giải pháp sáng tạo trong học tập và cuộc sống. Bảy năng lực đặc thù được phát triển chủ yếu thông qua một số môn học nhất định, gồm ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mĩ và thể chất. Nhóm năng lực này giúp HS sử dụng hiệu quả ngôn ngữ và toán học, hình thành tư duy khoa học, làm chủ công nghệ và kĩ thuật số, đồng thời phát triển khả năng cảm thụ cái đẹp, rèn luyện sức khỏe và thói quen vận động lành mạnh.

Mối liên hệ giữa dạy học dự án, công cụ số và sự hình thành năng lực, phẩm chất: Dạy học dự án là môi trường lí tưởng để nuôi dưỡng năng lực và phẩm chất. Khác với lối dạy truyền thống "thầy giảng - trò nghe", dạy học dự án chuyển trọng tâm sang "người học làm", yêu cầu HS tự lực giải quyết các nhiệm vụ phức hợp gắn với thực tiễn. Quá trình này tự thân nó đã đòi hỏi HS phải huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng để tạo ra sản phẩm. Chính trong hành trình từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện và trình bày sản phẩm, các năng lực cốt lõi như giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp và hợp tác được hình thành một cách tự nhiên và bền vững.

Công cụ số đóng vai trò là "cánh tay nối dài" giúp tối ưu hoá quy trình dạy học dự án. Sự xuất hiện của các công nghệ hiện đại, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT, đã giải quyết khó khăn lớn nhất của dạy học dự án là việc xây dựng các ý tưởng thực tế và khả thi [10]. Công cụ số tham gia vào mọi giai đoạn của dự án: từ việc hỗ trợ giáo viên thiết kế đề tài, giúp HS tìm kiếm và đánh giá dữ liệu trên không gian mạng, đến việc cung cấp các nền tảng cộng tác trực tuyến như Google Classroom hay Microsoft Teams để nhóm HS làm việc không giới hạn không gian.

Đánh giá số trong dạy học dự án giúp ghi nhận sự tiến bộ về phẩm chất và năng lực một cách toàn diện. Công nghệ cho phép thực hiện đánh giá xác thực và liên tục trong suốt tiến trình dự án thay vì chỉ chấm điểm sản phẩm cuối cùng. Thông qua các nền tảng số, giáo viên có thể theo dõi sự đóng góp của từng cá nhân, khả năng tương tác nhóm và thái độ giải quyết khó khăn của HS.

2.4. Thiết kế mô hình Dự án mẫu về Học tập Ngữ văn Trung học cơ sở kết hợp Công cụ số

HS tiến hành làm bài thuyết minh về di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ thuộc xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa

trên nền tảng số. Việc lựa chọn Thành Nhà Hồ làm đối tượng nghiên cứu giúp HS trường THCS Phạm Văn Hinh không chỉ học văn thuyết minh, biểu cảm mà còn được tiếp cận với một "cuốn sách đá" vĩ đại của nhân loại.

- Xác định vấn đề và Câu hỏi điều hướng: Dự án không yêu cầu HS chép lại lịch sử, mà đặt ra câu hỏi: "Làm thế nào để sử dụng công nghệ số để 'đánh thức' những khối đá di sản tại Tây Đô, giúp du khách hiểu được giá trị vĩ đại của Thành Nhà Hồ?".

- Kế hoạch triển khai kết hợp công cụ số.

+ Giai đoạn 1: Khởi động và Chia nhóm (Tại trường THCS Phạm Văn Hinh). Hoạt động: GV sử dụng Google Earth để HS "quan sát từ trên cao" toàn cảnh Thành Nhà Hồ ngay tại lớp học. Công cụ số: Google Earth Pro, Padlet (để HS ghi lại những hiểu biết sơ khởi và những điều muốn khám phá về di sản).

+ Giai đoạn 2: Trải nghiệm và Thu thập tư liệu (thực địa tại Tây Đô). Hoạt động: Nhóm HS thực hiện chuyến đi thực tế. Các em sử dụng thiết bị số để: 1) Chụp ảnh các chi tiết kiến trúc độc đáo (vòm cửa đá, tường thành); 2) Quay video phỏng vấn thuyết minh viên về kỹ thuật xây dựng thành bằng những khối đá nặng hàng chục tấn. Công cụ số: Máy ảnh/Điện thoại, ứng dụng Google Drive để đồng bộ hóa dữ liệu nhóm ngay lập tức.

+ Giai đoạn 3: Chế bản và Sáng tạo sản phẩm (Ứng dụng công nghệ) Tại phòng máy tính nhà trường hoặc làm việc nhóm tại nhà, HS thực hiện: 1) Sản phẩm 1: E-Magazine "Kỳ tích đá Tây Đô": Sử dụng Canva thiết kế tạp chí điện tử. Trong đó có các bài văn thuyết minh về lịch sử vương triều Hồ, bài văn biểu cảm về niềm tự hào quê hương; 2) Sản phẩm 2: Video "Một ngày làm thuyết minh viên di sản": HS dùng CapCut để dựng clip ngắn (TikTok/Reels). Các em tự lồng tiếng, chèn nhạc và hiệu ứng hình ảnh để làm nổi bật vẻ đẹp cổ kính của thành; 3) Sản phẩm 3: Bản đồ tương tác di sản: Sử dụng Genially hoặc Google My Maps để tạo sơ đồ các điểm tham quan tại di sản (Cổng Nam, đàn tế Nam Giao, giếng nàng Bình Khương...).

- Công bố sản phẩm và Kết nối cộng đồng: Hình thức: "Triển lãm di sản số" trên website nhà trường hoặc trang mạng xã hội của lớp để tương tác với các HS khác và quảng bá về di sản văn hóa thế giới Thanh Nhà Hồ trên nền tảng số.

- Kết quả đánh giá: Minh chứng về sự phát triển các năng lực cốt lõi: Thứ nhất, năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số) để tra cứu tài liệu về kỹ thuật xây thành của nhà Hồ. Minh chứng là các danh mục tài liệu tham khảo được các em trích dẫn rõ ràng trong bài thuyết minh trên Google Docs. Thứ hai, năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết phân chia vai trò: Nhóm trưởng điều phối trên Trello/Zalo, bạn giỏi Văn viết kịch bản, bạn giỏi Tin học dựng video trên CapCut. Thứ ba, việc phản biện, góp ý trực tiếp qua tính năng "Comment" trên các tệp tin dùng chung thể hiện sự tương tác chuyên nghiệp và văn minh. Thứ tư, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khi gặp khó khăn về tư liệu hình ảnh, HS đã sáng tạo bằng cách tự vẽ minh họa hoặc sử dụng AI để tạo dựng lại sơ đồ mô phỏng kiến trúc cổng thành. Sản phẩm cuối cùng (Infographic, Video) là minh chứng xác thực nhất cho tư duy thẩm mỹ và kỹ năng xử lý thông tin nhạy bén.

Minh chứng về sự hình thành và phát triển các phẩm chất: Thứ nhất, phẩm chất yêu nước: Qua việc tìm hiểu về di sản Thế giới Thành Nhà Hồ tại Tây Đô, HS không chỉ hiểu về lịch sử mà còn nảy sinh lòng tự hào về trí tuệ của cha ông. Minh chứng là những đoạn văn biểu cảm đầy xúc động trong tập san số, thể hiện khát khao được quảng bá vẻ đẹp của Thanh Hóa ra thế giới. Thứ hai, phẩm chất trách nhiệm: Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với sản phẩm chung của nhóm. Việc hoàn thành sản phẩm đúng hạn (Deadline) và đảm bảo chất lượng hình ảnh, nội dung không vi phạm bản quyền là minh chứng cho thái độ làm việc nghiêm túc, kỷ luật. Thứ ba, Phẩm chất trung thực: HS trung thực trong việc đánh giá đóng góp của các thành viên thông qua bảng đánh giá đồng đẳng (Peer assessment). Các em biết thừa nhận những lỗi sai trong quá trình biên tập video và tiếp thu ý kiến chỉnh sửa từ GV và bạn bè. Thứ tư, sự tôn trọng: Minh chứng rõ nét nhất là không gian thảo luận trên Padlet, nơi HS dành cho nhau những lời khen ngợi, những góp ý chân thành và lịch sự, tạo nên môi trường học tập tích cực và nhân văn.

2.5. Một số kiến nghị, đề xuất để triển khai có hiệu quả trong thực tiễn

2.5.1. Nhân rộng mô hình dạy học dự án kết hợp công cụ số trong môn Ngữ văn THCS cần coi đây là một hướng tiếp cận mang tính chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Trên cơ sở những kết quả tích cực đã

được phân tích ở các phần trước của tài liệu, việc nhân rộng mô hình không nên dừng lại ở các hoạt động mang tính thử nghiệm đơn lẻ mà cần được lồng ghép có hệ thống vào kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn. GV Ngữ văn có thể chủ động thiết kế các dự án học tập gắn với nội dung chương trình, đời sống văn hóa – xã hội địa phương và di sản văn hóa dân tộc.

2.5.2. Tập huấn cho GV về PPDH dự án và ứng dụng công cụ số, đây là điều kiện then chốt quyết định tính bền vững của việc triển khai trong thực tiễn. Thực tế cho thấy, dạy học dự án kết hợp công cụ số đòi hỏi GV không chỉ nắm vững lí luận phương pháp mà còn có năng lực thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động học tập trong môi trường số. Vì vậy, cần tăng cường các chương trình bồi dưỡng chuyên môn theo hướng thực hành, gắn với tình huống dạy học cụ thể của môn Ngữ văn THCS. Nội dung tập huấn nên tập trung vào quy trình thiết kế dự án, lựa chọn và khai thác công cụ số phù hợp, xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực và phẩm chất HS, cũng như xử lí những khó khăn phát sinh khi tổ chức dạy học dự án.

2.5.3. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị công nghệ, cần xác định đây là nền tảng hỗ trợ quan trọng cho việc triển khai hiệu quả dạy học dự án gắn với công cụ số. Nhà trường và các cấp quản lí giáo dục cần có kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống phòng học bộ môn, phòng máy tính, đường truyền Internet ổn định và các thiết bị cơ bản như máy chiếu, máy tính bảng, thiết bị ghi hình. Bên cạnh đó, việc khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm thiết kế và cộng tác số cần được chú trọng nhằm tránh tình trạng đầu tư hình thức nhưng sử dụng chưa hiệu quả.

3. Kết luận

Dạy học dự án kết hợp công cụ số trong môn Ngữ văn THCS là một hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, góp phần chuyển mạnh từ dạy học thiên về truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực HS trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Trên cơ sở làm rõ các vấn đề lí luận về dạy học dự án, vai trò của công cụ số và định hướng phát triển năng lực, phẩm chất HS, bài viết đã chỉ ra rằng việc tổ chức cho HS tham gia các dự án học tập gắn với thực tiễn, có sự hỗ trợ của công nghệ, không chỉ nâng cao hứng thú và tính chủ động trong học tập mà còn tạo điều kiện hình thành các năng lực cốt lõi như tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đồng thời bồi dưỡng các phẩm chất quan trọng như trách nhiệm, trung thực và yêu nước. Dự án mẫu được thiết kế và minh họa cho thấy tính khả thi của mô hình trong thực tiễn dạy học Ngữ văn THCS, khẳng định vai trò của công cụ số như một yếu tố hỗ trợ hiệu quả trong tổ chức, triển khai và đánh giá hoạt động học tập theo định hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, để mô hình này được triển khai một cách bền vững và hiệu quả, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa việc nhân rộng các thực tiễn dạy học tốt, bồi dưỡng năng lực chuyên môn và năng lực số cho GV, cùng với đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ phù hợp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Lê Thị Kim Anh (2024). *Dạy học theo dự án với ChatGPT.* Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 20, số 04.

[2] Trịnh Văn Biều, Phan Đồng Châu Thủy, Trịnh Lê Hồng Phương (2011). *Dạy học dự án – từ lí luận đến thực tiễn.* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 28.

[3] Blumenfeld, P. C., Soloway, E., Marx, R. W., Krajcik, J. S., Guzdial, M., & Palincsar, A. (1991). *Motivating ProjectBased Learning: Sustaining the Doing.* Supporting the Learning. Educational Psychologist, 26(3-4), 369–398.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.*

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH về việc đổi mới phương pháp dạy và kiểm tra môn Ngữ văn.*

[6] Võ Thị Minh Duệ (2023). *Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong giảng dạy.* Equipment with new general education program, Volume 1, Issue 290. Hà Nội.

[7] Chu Thị Hảo, Hoàng Minh Chí (2021). *Quản trị chất lượng dạy học dự án ở Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh hiện nay*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Trường Đại học Hùng Vương, tập 23, số 2, tr. 53-60.

[8] Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial Intelligence in Education: Promises and Implications for Teaching and Learning.* Center for Curriculum Redesign, Boston, MA, Hoa Kỳ.

[9] Trần Trung, Trịnh Thị Phương Thảo, Nguyễn Ngọc Giang, Kim Mạnh Tuấn, Hoàng Thị Mai (2024). *Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông: Khai thác nền tảng số, dữ liệu số và công cụ số.* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, tập 53, số đặc biệt tháng 8. tr. 33-45.

[10] Zhai, X. (2023). *ChatGPT for next generation science learning*. XRDS: Crossroads. The ACM Magazine for Students, 29(3), 42–46. https://doi.org/10.1145/3589649.